TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HS-ST
Ngày 27-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông VDQ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông NTV – Cán bộ hưu trí
Ông NCH - Giáo viên

- Thư ký phiên toà: Bà TNT - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H tham gia phiên toà: Bà NDTN - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NVV - Giới tính: Nam; sinh năm 1984 tại: Tỉnh V; ĐKHKTT: Thôn Y, xã Y, huyện V, Tỉnh V; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: NVT và bà: TQT; vợ: KDT, có 02 con: Con lớn sinh 2013, con bé sinh 2015; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 269 ngày 11-8-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 08-8-2019 đến ngày 11-8-2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. NHV - Giới tính: Nam; sinh năm 1986 tại: Tỉnh B; ĐKHKTT: Thôn T, xã N, huyện K, Tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; con ông: NVS (đã chết) và bà: NTT; vợ: LNT, có 03 con: Con lớn sinh 2008, con bé sinh 2018; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 267 ngày 11-8-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo đã có 02 tiền sự: Năm 2005, trộm cắp tài sản, Công an phường Y, quận C, Thành phố H xử lý hành chính; năm 2008, đánh bạc, Công an phường K xử lý hành chính; bị cáo đầu thú và tạm giữ từ ngày 08-8-2019

đến ngày 11-8-2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. PTH - Giới tính: Nam; sinh ngày 26-5-2002 tại: Tỉnh T (tính đến ngày phạm tội PTH được 17 tuổi 02 tháng 13 ngày); ĐKHKTT: Thôn Y, xã P, huyện S, Tỉnh T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cao Lan; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: PQVvà bà: TTT; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 307 ngày 17-9-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. THV - Giới tính: Nam; sinh ngày: 03-02-2002 tại: Tỉnh T (tính đến ngày phạm tội THV được 17 tuổi 06 tháng 05 ngày); ĐKHKTT: Thôn X, xã K, huyện Y, Tỉnh T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cao Lan; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: HVD và bà: TTV; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 308 ngày 17-9-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**** Bị hại:*** **Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng BH**; địa chỉ: Số X , phường Y, quận K, thành phố C; người đại diện theo pháp luật: Ông LVH – Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông NHQ – Chức vụ: Phó ban an ninh Công ty; vắng mặt.

**** Người giám hộ cho bị cáo PTH và THV tại phiên tòa:*** **Ông NQH** – Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã T, huyện G, Thành phố H; có mặt

**** Người bào chữa cho bị cáo PTH:*** **Luật sư NVH** – Văn phòng luật sư LH và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo THV:*** **Luật sư LLTN** – Văn phòng luật sư LH và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: NVV là lái xe cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng và thương mại TA, địa chỉ: Đường H, phường T, quận D, Thành phố H thường xuyên chở phế liệu cho Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng BH ở trong công trường VC ra ngoài nên NVV phát hiện trong công trường VC để nhiều tấm cốt pha nhôm nên đã nảy sinh ý định trộm cắp những tấm cốt pha nhôm để bán lấy tiền. Khoảng 13 giờ ngày 06-8-2019, NVV đi chở phế liệu từ Công ty BH ở trong công trường VC ra cổng công ty để xin chữ ký bảo vệ để ra ngoài. THV đang làm bảo vệ cho Công ty BH ra gặp NVV và hỏi

NVV "Anh có cách nào kiếm tiền không" thì NVV bảo THV tối ra ngoài uống nước để bàn chuyện. Sau đó, NVV cho THV số điện thoại của NVV để liên hệ. Khoảng 17 giờ cùng ngày 06-8-2019, NVV đi ra quán nước của NHV tại khu vực đối diện cổng số 9 công trường VC, NVV có nói với NHV: Có thằng bảo vệ ở Công ty BH "xin nhan" cho mình vào trộm sắt, NVV rủ NHV cùng đi trộm, NHV đồng ý. Đến khoảng 21 giờ ngày 06-8-2019, THV rủ PTH cũng làm bảo vệ cho Công ty BH đi ra quán nước của NHV gặp NVV và NHV, cả nhóm cùng trao đổi, bàn bạc trộm cắp cốt pha nhôm trong công trường VC. NVV bảo THV và PTH tối 07-8-2019, THV và PTH trực bảo vệ trong công trường thấy khi nào an toàn thì gọi điện cho NVV và NHV vào lấy trộm cốt pha nhôm và trông coi cho NVV và NHV vào lấy trộm, khi lấy được tài sản thì đem bán được tiền chia nhau, THV và PTH đồng ý. Đến chiều ngày 07-8-2019, NVV có thuê 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) hẹn chở sắt trộm cắp được. Tối ngày 07-8-2019 là ca trực của PTH và THV, NVV điện thoại cho THV và PTH: Khi nào vào lấy trộm được thì báo cho NVV. THV và PTH đồng ý. THV và PTH dùng điện thoại của PTH chụp ảnh những vị trí để những tấm cốt pha nhôm trong Công trường và gửi qua Zalo cho NVV để NVV biết vị trí vào lấy trộm những tấm cốt pha nhôm. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 08-8-2019, THV và PTH dùng điện thoại của PTH liên lạc thông báo cho NVV: " vào được rồi". NVV điều khiển xe ô tô BKS 29C-692.14 chở THV đi vào bãi sắt trong công trường của Công ty BH. Khi vào đến nơi, THV bảo không lấy được xe nâng. NVV và NHV dùng tay khiêng các tấm cốp pha bằng nhôm cho lên xe ô tô BKS 29C-692.14 được 32 tấm. Sau đó, NVV và NHV chở số tấm cốt pha này đến khu vực hàng rào công trường thuộc khu vực D, thị trấn Q, huyện G, Thành phố H rồi đổ những tấm cốt pha nhôm này xuống đất. NVV đứng bên trong đưa số cốp pha trên ra bên ngoài qua khe hàng rào tôn để THV cho lên xe ô tô tải Huyndai màu xanh 1,25 tấn đỗ bên ngoài do một người đàn ông lái (không rõ nhân thân) mà NVV đã thuê. Khi chuyển được 22 tấm cốt pha nhôm thì NVV và NHV bị lực lượng bảo vệ công trường phát hiện bắt giữ cùng vật chứng nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 115 ngày 30-8-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 370 kg cốt pha nhôm đã qua sử dụng, có tổng giá trị là 12.210.000 đồng (370 x 33.000 đồng/01 kg).

Tại bản cáo trạng số: 194/CT-VKSGL ngày 28-11-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo NVV, NHV, PTH và THV về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Người giám hộ cho bị cáo PTH và bị cáo THV xác nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là đúng.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo PTH và bị cáo THV đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo để xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17, 58 BLHS đối với NVV và NHV

Xử phạt bị cáo NVV: 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30-36 tháng; NHV từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65, 91 BLHS đối với PTH và THV

Xử phạt các bị cáo PTH và THV, mỗi bị cáo từ 06-08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về dân sự: Không

Nói lời sau cùng, các bị cáo thấy hành vi của mình là sai và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi

tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của VKSND huyện G đã truy tố.

HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hồi 02 giờ 30 ngày 08-8-2019, tại công trường VC thuộc địa phận xã T, huyện G, Thành phố H, các bị cáo NVV, NHV, PTH và THV đã lén lút, bí mật trộm cắp 32 tấm cốt pha nhôm của Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng BH, có giá trị là: 12.210.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo NVV, NHV, PTH và THV đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, trong đó NVV là kẻ chủ mưu và thực hành, NHV là người thực hành, THV, PTH là những kẻ giúp sức.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được BLHS bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhân thân của bị cáo NHV có hai tiền sự vào các năm 2005 và 2008 nhưng đã đương nhiên được xóa theo luật định nên không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân của các bị cáo NVV, PTH, THV chưa có tiền án-tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi ngay trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo NHV sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo PTH và bị cáo THV là người dân tộc thiểu số là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS; bị cáo PTH và bị cáo THV khi phạm tội là người chưa thành niên.

[8] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo NVV và bị cáo NHV đáng ra phải xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt

nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, HĐXX thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ THNS, có nơi cư trú rõ ràng nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo và chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[9] Đối với các bị cáo PTH và THV có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS như đã nhận định ở trên, các bị cáo là người chưa thành niên, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, HĐXX xét thấy nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa trở thành người lương thiện. Vì vậy, chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án cải tạo không giam giữ để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo Điều 36 của BLHS cũng thỏa đáng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo NVV và bị cáo NHV phù hợp với nhận định của HĐXX; đề nghị hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo PTH và bị cáo THV là có phần nghiêm khắc.

[11] Quan điểm và đề nghị của hai luật sư bào chữa cho bị cáo PTH và bị cáo THV phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Xét thấy các bị cáo không có nghề ngiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

- Về dân sự:

[13] Bị hại là Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng BH đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[14] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt bổ sung, về dân sự là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Về án phí:

[15] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[16] Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

1. Xử phạt bị cáo **NVV** 15 *(Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Trộm cắp tài sản"**. Thời hạn thử thách là 30 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo NVV cho UBND xã Y, huyện V, Tỉnh V quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

2. Xử phạt bị cáo **NHV** 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Trộm cắp tài sản".** Thời hạn thử thách là 24 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo NHV cho UBND xã N, huyện K, Tỉnh B quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự:

3. Xử phạt bị cáo PTH 10 *(Mười)* tháng cải tạo không giam giữ về tội: **"Trộm cắp tài sản".** Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

4. Xử phạt bị cáo THV 10 *(Mười)* tháng cải tạo không giam giữ về tội: **"Trộm cắp tài sản".** Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo PTH và THV cho UBND Xã P, huyện S, Tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

* Về dân sự: Không

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo NVV, NHV, PTH (có người giám hộ đại diện) và THV (có người giám hộ đại diện), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người giám hộ cho các bị cáo và các luật sư bào chữa cho các bị cáo PTH và THV có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
Đã ký và đóng dấu